

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 260 /2020/DS-PT

Ngày 23 – 7 - 2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua
bán tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Trung.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Ông Nguyễn Song Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16, 17 và ngày 23 tháng 07 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2020/TLPT-DS ngày 04/6/2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 342/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phan Văn Đ, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã Tân B, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Phan Văn Đ: Luật sư Nguyễn Thị Thu Th – Văn phòng luật sư Huy H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- Bị đơn: Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã Diêm H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn chị Nguyễn Ngọc N: Luật sư Nguyễn Văn T – Văn phòng luật sư Nguyễn Văn T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Thị C (tên thường gọi là Ng), sinh năm 1969 (có mặt).
Địa chỉ: ấp Mỹ P, xã Long K, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.
 2. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1988 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã Nhị B, huyện T, tỉnh Tiền Giang.
 3. Huỳnh Văn L, sinh năm 1972 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: ấp Mỹ V, xã Long K, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.
 4. Huỳnh Thị E, sinh năm 1963 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp 5, xã Tân B, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.
 5. Lê Thị Kiều Tr, sinh năm 1979 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: Khu phố 3, Phường 1, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.
 6. Lê Thanh L2, sinh năm 1971 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: ấp Mỹ L, xã Mỹ Hạnh T, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.
- *Người làm chứng*: Anh Trương Văn M, sinh năm 1985 (có mặt).
Địa chỉ: ấp Mỹ H, xã Mỹ L, huyện Cai L, tỉnh Tiền Giang.
- *Người kháng cáo*: bị đơn bà Nguyễn Ngọc N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Phan Văn Đ trình bày:

Ông và chị N có thỏa thuận mua bán gạo từ năm 2017, theo đó ông là người bán gạo, tấm, chị N là người mua gạo, tấm. Hai bên không có làm hợp đồng, chỉ thỏa thuận miệng cho chị N chậm trả trong thời hạn 02 - 03 ngày đến khoảng cuối năm 2017 do chị N chậm trả tiền nên ông ngưng bán. Đến tháng 11/2018 thì bà C hùn vốn với ông mua bán với chị N. Tuy nhiên trực tiếp là ông giao dịch với chị N, việc bà C hùn vốn không liên quan đến chị N. Khi đó, chị N đã trả đủ tiền nên hai bên tiếp tục mua bán lại từ khoảng tháng 4 năm 2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng có nhiều lần bán và thanh toán nợ bằng hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản. Đến ngày 23/6/2019 hai bên tổng kết số nợ là 157.790.000 đồng và chị N có viết vào sổ nợ. Sau khi kết nợ, ông phát hiện số lượng tấm bán vào ngày 19/6/2019 có ghi thiếu là 08 bao 7.000kg và 03 bao 6.300kg. Do đó, ông có ghi tiếp và tính lại số nợ thời điểm 19/6/2019 là 161.535.000 đồng.

Tiếp tục đến ngày 23/6/2019, ông bán tiếp cho chị N số lượng gồm:

- 200 bao gạo thơm;
- 101 bao gạo đục;
- 138 bao tấm loại 1;
- 141 bao tấm loại 1 thơm;

Tổng giá trị của đợt xuất hàng này là 183.680.000 đồng. Do đó, tổng số nợ chị Như còn thiếu đến thời điểm này là 345.395.000 đồng. Sau đó, chị N đã trả được 30.000.000 đồng (do ông T1 - tài xế của chị N chuyển khoản qua Ngân

hàng). Vì vậy, số nợ còn lại là 315.395.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, qua đối chiếu sổ của ông (trang 14, 15) và sổ chị N (trang 22) ông xác định chỉ có tính toán sai ở các khoản sau:

- Thời điểm kết nợ ngày 19/6/2019 số nợ là 160.590.000 đồng.
- Giá trị đợt hàng ngày 13/6/2019 là 182.495.000 đồng.
- Tổng giá trị hai đợt hàng là 343.085.000 đồng, đã trả 30.000.000 đồng nên còn lại là 313.085.000 đồng.

Ngoài ra, theo ý kiến bổ sung của nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm, ông xác định chuyển hàng ngày 13/12/2018 có tính sai 1.920.000 đồng. Vì vậy số nợ chị N hiện nay là 313.085.000 đồng - 1.920.000 đồng = 311.165.000 đồng và yêu cầu chị N trả số tiền trên.

Ông không đồng ý yêu cầu phản tố của chị N.

* Bị đơn chị Nguyễn Ngọc N trình bày:

Trước năm 2018, chị có mua bán gạo, tấm với ông Phan Văn Đ và bà Trần Thị C nhưng hai bên không có làm sổ sách. Việc mua bán này chị và ông Đ thỏa thuận và trực tiếp mua bán với nhau, việc bà C và ông Đ hùn vốn không liên quan đến chị. Từ ngày 23/7/2018 đến ngày 23/6/2019, chị thừa nhận có mua bán gạo, tấm với ông Đ có làm sổ sách mua bán. Chị có mua bán bằng hình thức trả tiền mặt chuyển khoản. Hai bên có tổng kết nhiều lần nợ, tại lần tổng kết ngày 19/6/2019 chị có ghi số nợ là 157.790.000 đồng (sổ nợ ghi TC 157. 790). Sau khi tổng kết chị có tiếp tục mua ngày 23/6/2019, với số lượng gồm:

- 200 bao gạo thơm;
- 101 bao gạo đục;
- 138 bao tấm loại 1;
- 141 bao tấm loại 1 thơm;

Tổng giá trị của đợt xuất hàng này là 183.680.000 đồng.

Chị thừa nhận có 02 khoản nợ tổng kết từ thời điểm 19/6/2019 là 161.535.000 đồng và khoản nợ mua bán ngày 23/6/2019 là 345.395.000 đồng. Tuy nhiên, chị xác định sổ sách mà ông Đ cung cấp cho Tòa là không chính xác về số lần mua bán và số lần trả.

Chị N yêu cầu phản tố cản trừ các khoản tiền gồm có:

- Khoản thứ nhất: Ngày 28/8/2018, chị chuyển khoản 100.000.000 đồng; Ngày 30/8/2018 chuyển khoản 50.000.000 đồng; Ngày 18/8/2018 trả cho bà C (tên thường gọi là Ng) 9.700.000 đồng; Ngày 05/9/2018 trả lại 37 bao gạo trị giá 44.280.000 đồng;

- Khoản thứ hai: Ngày 16/10/2018, chị trả cho bà C (tên thường gọi là Ng) 50.000.000 đồng có biên nhận thể hiện 16/10 không năm. Chị xác định 2018 vì có biên nhận nợ ngày 05/9 là số nợ của năm 2018 được ghi ở trang trước bìa đen

và có thể hiện trong sổ mua bán;

- Khoản thứ 03: Ngày 24/10/2018 chị gửi chị Tr 50.000.000 đồng thể hiện ở trang 8 và ông Đ có kêu chị ghi là ngày 24/10, ông Đ kết sổ trang 9;

- Khoản thứ tư: Ngày 27/10/2018 chị gửi chị Tr 50.000.000 đồng không thể hiện trong sổ nợ của chị nhưng trong sổ nộp Tòa án ông Đ có ghi.

- Khoản thứ 05: Ngày 01/11/2018 chị trả cho ông Đ 125 bao gạo và 50.000.000 đồng chưa trừ, chứng từ là có hình ảnh zalo;

- Khoản thứ 06: Ngày 19/11/2018 chị trả cho anh L (Đội trưởng bốc vác có ký xác nhận vào sổ bìi đen) 101 bao gạo trị giá 53.025.000 đồng, phần này bà C (Ng) xác nhận nếu Lính công nhận sẽ trừ cho N;

Sổ gạo 125 bao là khoản khác trả cho ông Đ.

- Khoản thứ 07: Ngày 19/12/2018 chị trả cho bà C (tên thường gọi là Ng) 5.000.000 đồng, có bút tích tại trang cuối của sổ mua bán.

- Khoản thứ 08: Ngày 15/02/2019 chị gửi vợ ông Đ 50.000.000 đồng (có biên nhận).

- Khoản thứ 09: Ngày 27/02/2019 gửi trả cho vợ ông Đ 50.000.000 đồng.

- Khoản thứ 10: Ngày 28/02/2019 chị nhờ Đoàn Thị A chuyển khoản 50.000.000 đồng, ông Đ chưa trừ sổ của chị.

- Khoản thứ 11: Tháng 4/2019 chị trả cho bà C 9.500.000 đồng, không có ghi trong sổ.

Tổng cộng số tiền ông Đ và bà C chưa trừ sổ cho chị tổng cộng là 587.755.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị N xác định ngoài các khoản tiền trên thì còn một số khoản mà ông Đ tính sai nên chị phải thiệt hại là 185.465.000 đồng. Cụ thể là:

- Chị có trả lại 160 bao gạo trị giá 84.000.000 đồng, chị không nhớ ngày tháng năm nhưng có xác nhận của ông Trương Văn M (lơ xe chị N).

- Ngày 28/02/2018 trả ông Đ 50.000.000 đồng.

- Ngày 18/8/2016 tại trang 03 sổ mua bán của chị, ông Đ cộng lộn số tiền 5.350.000 đồng.

- Ngày 13/12/2018 tại trang 12 của sổ chị, có tính lộn số tiền 1.920.000 đồng.

- Ngày 21/02/2019 tại trang 15 của sổ chị có thể hiện nội dung 219.800.000 đồng trừ 80.000.000 đồng, nhưng ông Đ chỉ trừ 30.000.000 đồng. Do đó thiệt hại chị 30.000.000 đồng, tuy nhiên ông Đ có cộng thiếu 2.600.000 đồng cho ông Đ, nên khoản này chị bị thiệt hại 27.400.000 đồng.

- Tại trang 16 sổ của chị có thể hiện số nợ 274.500.000 đồng trừ đi 35.200.000 đồng nhưng ra kết quả là 259.995.000 đồng, tức thiệt hại 20.695.000 đồng. Tuy

nhiên tại ở phần cuối trang 16 sổ của chị, ông Đ có trừ thiệt hại cho ông Đ 3.900.000 đồng nên phần chênh lệch chị bị thiệt hại là 16.795.000 đồng.

Tổng cộng các khoản tiền ông Đ chưa khấu trừ là 587.755.000 đồng + 185.465.000 đồng = 773.220.000 đồng.

Trước đây chị yêu cầu ông Đ và bà C cùng có nghĩa vụ trả khoản tiền dư, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, chị N chỉ yêu cầu ông Đ trả lại số tiền dư là 458.220.000 đồng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị C trình bày:

Bà thống nhất ý kiến của ông Đ, bà có hùn mua bán với ông Đ, tuy nhiên bà chỉ có lấy tiền theo yêu cầu ông Đ, việc mua bán với chị N và đối chiếu sổ sách do ông Đ thực hiện. Ngoài việc hùn vốn với ông Đ thì trước đó bà có mua bán riêng với chị N. Đối với số tiền nợ trên do ông Đ thực hiện việc đòi nợ, giữa bà và ông Đ không tranh chấp trong vụ án này.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T1 trình bày:

Anh là tài xế của chị N. Việc mua bán gạo giữa hai bên anh không biết, anh không nhớ rõ thời gian nào nhưng có lần chị N nhờ anh đến nhận 20 bao gạo từ anh L2 nhưng không nhận được và có báo cho chị N biết.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn L trình bày:

Vào khoảng tháng 11/2018 chị N có gửi lại gạo và ông có kiểm là 101 bao, sau đó ông Đ kiểm lại là 125 bao. Việc nhầm lẫn này ông không biết. Ngoài ra ông không có nhận lần gạo nào khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị E trình bày:

Vào khoảng tháng 02/2019 bà có nhận dùm ông Đ 50.000.000 đồng từ chị N, ngoài ra bà không có nhận khoản tiền nào khác. Sổ sách của ông Đ ghi như thế nào bà không biết.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Kiều Tr trình bày:

Chị có nhận dùm ông Đ 50.000.000 đồng từ chị N, không nhớ rõ thời gian nhận. Ngoài ra chị không có nhận khoản tiền nào khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh L2 trình bày:

Việc mua bán gạo giữa ông Đ và chị N ông không biết.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào Điều 430, 433, 440 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc chị Nguyễn Ngọc N trả cho ông Phan Văn Đ 311.165.000 đồng, thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành không trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Ngọc N về việc yêu cầu ông Phan Văn Đ trả lại 458.220.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị N phải chịu 38.469.250 đồng, được trừ vào 6.811.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 01402 ngày 04/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, nên phải nộp tiếp 31.658.250 đồng.

Hoàn lại ông Đ 7.892.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 01077 ngày 26/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 24/02/2020, bị đơn chị Nguyễn Ngọc N có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn Đ, chấp nhận yêu cầu phản tố của bà.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Chị Nguyễn Ngọc N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu chấp nhận yêu cầu phản tố của chị N, buộc ông Đ hoàn trả cho chị số tiền 458.220.000 đồng.

- Luật sư Nguyễn Văn T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Ngọc N có nhiều lập luận cho rằng: Việc giao dịch mua bán giữa hai bên không có hợp đồng; không có xuất chứng từ, hóa đơn khi thanh toán tiền hoặc ký giao nhận với nhau, chỉ thông qua việc ghi sổ của mỗi bên trên cơ sở tin tưởng lẫn nhau. Cho đến khi hai bên không thống nhất về số tiền, cách thức tính tiền, phải nhờ đến chính quyền địa phương can thiệp giải quyết thì phát sinh tranh chấp. Tại Công an tuy không được giải quyết bằng văn bản chính thức, ông Đ có nói rằng nếu chị N xuất trình được các phiếu, chứng từ, sổ sách thể hiện chị N đã trả xong khoản nào thì ông Đ sẽ căn cứ vào đó để trừ ra cho chị N. Án sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ, chính xác số liệu do các bên đưa ra, việc đối chiếu sổ sách giữa các bên còn thiếu sót. Ông Đ chỉ cung cấp sổ mua bán chứng minh theo yêu cầu khởi kiện, trong khi đó chị N yêu cầu ông Đ cung cấp toàn bộ bản chính sổ mua bán giữa hai bên. Chị N bức xúc việc trong sổ của chị N có chữ viết “Đúng” nhưng không giống nhau. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị N có yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ viết “Đúng” trong sổ của chị N, chị N cũng không xác định được chữ viết “Đúng” trong sổ của chị N là do ai viết, do có thời gian sổ của chị N do ông Đ giữ. Vấn đề này án sơ thẩm chưa làm rõ nhưng đã được Tòa án cấp phúc thẩm làm rõ tại phiên tòa phúc thẩm. Trong số tiền ông Đ buộc chị N đã trả, có các khoản tiền khách hàng chị N đã chuyển

khoản trả cho ông Đ, nhưng chưa được cản trừ. Các số liệu chị N đưa ra phù hợp với thực tế giao dịch giữa hai bên, nên yêu cầu kháng cáo của chị N là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Ông Phan Văn Đ không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Ngọc N.

- Luật sư Nguyễn Thị Thu Th bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Văn Đ có nhiều lập luận cho rằng: Hai bên thống nhất chị N còn nợ ông Đ số tiền 311.165.000 đồng. Qua trình bày thanh toán tiền giữa chị N và ông Đ cho thấy có đối chiếu vào sổ của nhau, nếu ông Đ còn nợ thì tại sao ngày 28/6/2019 chị N lại trả cho ông Đ số tiền 30.000.000 đồng ở lần mua gạo sau cùng. Tại các lần hòa giải, đối chất, chị N đều thừa nhận số tiền còn nợ và các lần mua gạo của ông Đ, số tiền phải trả đều trùng khớp với nhau. Yêu cầu kháng cáo của chị N là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Chị N cho rằng đã trả nhiều hơn số tiền còn nợ nhưng không được ông Đ cản trừ là 587.755.000 đồng và quá trình cộng trừ số tiền mua bán ông Đ cộng nhầm làm thiệt hại cho chị N số tiền là 185.465.000 đồng, tổng cộng ông Đ nợ chị N số tiền 773.220.000 đồng. Chị N yêu cầu cản trừ số tiền này, buộc ông Đ hoàn trả cho chị số tiền 458.220.000 đồng. Các khoản nêu trên không được ông Đ, bà C thừa nhận. Chị N không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, áp dụng Điều 285, 286 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử theo quy định.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T1, Huỳnh Văn L, bà Huỳnh Thị E, chị Lê Thị Kiều Tr, anh Lê Thanh L2 vắng mặt. Xét thấy các đương sự đã có lời khai thể hiện ý kiến của mình và không có kháng cáo, việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Ngọc N cho rằng đã chuyển trả cho ông Đ nhiều hơn số tiền phải trả nhưng không được ông Đ khấu trừ là 587.755.000 đồng; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Phan Văn Đ và chị Nguyễn Ngọc N thống nhất khai: Hai bên tổng kết số nợ mua bán đến ngày 23/6/2019 chị N còn nợ số tiền là 161.535.000 đồng, sau đó chị tiếp tục nhận giá trị của đợt xuất hàng mới là 183.680.000 đồng, tổng cộng đến thời điểm này chị N nợ anh Đ số tiền 345.395.000 đồng, đến ngày 27/06/2019 anh T1 chuyển trả 30.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 315.395.000 đồng, trừ tiếp 2.000.000 đồng thì chị N còn nợ ông Đ số tiền là 313.085.000 đồng. Ông Đ thừa nhận đã cộng nhầm số tiền 1.920.000 đồng của ngày 13/12/2018 cho chị N, đồng ý trừ số tiền này vào số tiền nợ, như vậy chị N phải trả cho ông Đ số tiền 311.165.000 đồng. Sau ngày 27/06/2019 thì hai bên không còn mua bán hay thanh toán các khoản nào khác, nên ông Đ yêu cầu chị N trả số tiền 311.165.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

- Chị N cho rằng: Ngày 28/8/2018, chị chuyển khoản trả số tiền 100.000.000 đồng; Ngày 30/8/2018 chị N chuyển khoản 50.000.000 đồng; Ngày 18/8/2018 chị N trả cho bà C (tên thường gọi là Ng) 9.700.000 đồng; Ngày 05/9/2018 chị N trả lại 37 bao gạo trị giá 44.280.000 đồng. Nhưng ông Đ không trừ cho chị vào số tiền đã trả.

Xét thấy: Theo Sổ phụ TK tiền gửi không kỳ hạn của Ngân hàng Sacombank chỉ thể hiện chị N có chuyển khoản 100.000.000 đồng vào ngày 27/8/2018 và 50.000.000 đồng vào ngày 30/8/2018 (Bút lục 83). Tại trang 1 sổ của ông Đ (Bút lục 71, 62) và trang 7 sổ của chị N (Bút lục 47) thể hiện đến ngày 08/10/2018 hai sổ của hai bên thống nhất số nợ cũ đem qua là 254.991.000 đồng. Tại biên bản đối chất ngày 07/11/2019 (Bút lục 117) và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đ thừa nhận đã trừ cho chị N vào các khoản nợ trước ngày 08/10/2018, nên đến ngày 08/10/2018 chị N còn nợ là 254.991.000 đồng. Chị N không cung cấp được chứng cứ gì mới chứng minh chưa được trừ.

- Chị N cho rằng: Ngày 16/10/2018, chị N trả cho bà C (tên thường gọi là Ng) 50.000.000 đồng không thể hiện năm, nhưng không được ông Đ cản trừ.

Xét thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, ông Đ không thừa nhận có nhận số tiền này. Chị N không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh đây là khoản tiền đã trả vào việc mua gạo của ông Đ; đồng thời chị N thừa nhận dòng chữ nằm chen vào phần ghi chép của ông Đ tại trang 7 sổ của chị N có ghi: “16/10/2018 trả 50.000.000” là do chị N tự viết vào sổ của mình. Bà C xác định là có nhận số tiền 50.000.000 đồng này của chị N, nhưng đây là khoản nợ riêng của chị N đối với bà C, không liên quan đến việc mua bán giữa ông Đ và chị N. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị N thừa nhận có nợ riêng với bà C và chị N cũng không cung cấp được chứng cứ gì mới.

- Chị N cho rằng vào ngày 24/10/2018 có gửi cho chị Lê Thị Kiều Tr số tiền 50.000.000 đồng và ngày 27/10/2018 chị N có gửi chị Tr số tiền 50.000.000 đồng để trả cho ông Đ, nhưng không được ông Đ cản trừ.

Xét thấy: Ông Đ chỉ thừa nhận có nhận 01 lần số tiền 50.000.000 đồng do chị Tr đưa và đã trừ vào ngày 27/10/2018 tại trang 2 sổ của ông Đ (Bút lục 71). Chị Lê Thị Kiều Tr xác định chỉ nhận của chị N đưa 01 lần duy nhất với số tiền 50.000.000 đồng nhưng không nhớ rõ ngày tháng năm (Bút lục 138). Tuy nhiên, tại trang 9 (Bút lục 46) và trang 11 (Bút lục 44) trong sổ của chị Như, ông Đức có ghi: “05/11/2018 trả quán tr – 50.000.000 đồng” và “8/12 trả tại quán Tr 50.000.000 đồng”. Đồng thời tại trang 1 (Bút lục 62), trang 3 sổ của ông Đ (Bút lục 60) có ghi: “27/10 trả Tr 50.000.000 đồng” và “8/12 trả quán Tr 50.000.000”. Do đó, ông Đ và chị Tr cho rằng chỉ nhận 01 lần của chị N số tiền 50.000.000 đồng là thiếu sót bởi lẽ theo sổ của ông Đ thể hiện ông Đ đã trừ vào ngày 27/10 và 08/12/2018 mỗi lần trừ số tiền 50.000.000 đồng là khớp theo sổ của chị N đã thể hiện ông Đ đã trừ cho chị N 02 lần vào các ngày 05/11 và 08/12 mỗi lần trừ số tiền là 50.000.000 đồng và tại phiên tòa phúc thẩm, chị N không có chứng cứ gì mới chứng minh ông Đ chưa trừ số tiền này cho chị N.

- Chị N cho rằng: Ngày 01/11/2018 chị N trả cho ông Đ 125 bao gạo và 50.000.000 đồng, chứng cứ là có hình ảnh zalo; nhưng ông Đ chưa trừ cho chị.

Xét thấy: Tại trang 3 sổ của ông Đ (Bút lục 61, 70) và trang 9, 10 sổ của chị N (Bút lục 45) thể hiện ông Đ đã trừ số tiền này và số lượng hàng này cho chị N, nên cuối trang 9 và đầu trang 10 sổ của chị N có ghi: “20/11 Dời qua 66.360.000”. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị N không cung cấp được chứng cứ gì mới chứng minh ông Đ chưa trừ các khoản này cho chị.

- Chị N cho rằng: Ngày 19/11/2018, chị N trả cho anh Huỳnh Văn L (Đội trưởng bốc vác có ký xác nhận vào sổ bìa đen) 101 bao gạo trị giá 53.025.000 đồng, nhưng không được ông Đ cản trừ.

Xét thấy: Anh Huỳnh Văn L xác nhận vào tháng 11/2018 chị N gửi cho ông Đ, anh có kiểm đếm là 101 bao, sau đó ông Đ có kiểm lại là 125 bao, ngoài ra anh không nhận khoản gạo nào khác (Bút lục 140). Ông Đ xác định đã trừ số lượng 125 bao vào ngày 16/11/2018 tại trang 3 sổ của ông Đ (Bút lục 61, 70) theo hình ảnh zalo cung cấp cho chị N, không có 02 lần nhận số lượng 125 bao như chị N trình bày. Chị N không cung cấp được chứng cứ gì mới chứng minh chị đã trả 02 lần gạo với số lượng 101 bao cho ông Đ.

- Chị N cho rằng: Ngày 19/12/2018, chị N trả cho bà C 5.000.000 đồng có bút tích tại trang cuối của sổ mua bán (trang rời cung cấp bổ sung và được đối chiếu tại Tòa), nhưng không được ông Đ cản trừ.

Xét thấy: Bà C thừa nhận có nhận 5.000.000 đồng và có thể hiện trừ 20.000.000 đồng vào sổ ông Đ, chứng cứ này đã xóa bằng chữ “R”; ông Đ thừa nhận chữ “R” là đã trừ rồi. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị N xác định số tiền này trả riêng cho bà C (Bút lục 228). Chị N không có chứng cứ gì mới chứng minh ông Đ chưa trừ số tiền này cho chị.

- Chị N cho rằng: Ngày 15/02/2019, chị N gửi vợ ông Đ - bà E số tiền 50.000.000 đồng (có biên nhận), nhưng ông Đ không cản trừ cho chị.

Xét thấy: Bà Huỳnh Thị E là vợ của ông Đ xác định vào khoảng tháng 02/2019 bà chỉ nhận của chị N 01 lần duy nhất số tiền là 50.000.000 đồng, đã giao cho ông Đ, ngoài ra không có nhận khoản nào khác (Bút lục 139). Ông Đ thừa nhận có nhận số tiền này và đã trừ vào sổ nhưng ghi nhầm ngày là ghi ngày 14/02/2019. Tại trang 9 của sổ ông Đ có ghi: “14/02 trả vợ trừ 50.000.000 còn 269.800.000” (Bút lục 57, 67) và tại trang 15 sổ của chị N cũng thể hiện “14/2 chị 4 nhận mầy trừ 50.000.000 đồng còn 269.800”. Điều này chứng tỏ ông Đ đã khấu trừ số tiền này cho chị N. Chị N cũng không cung cấp được chứng cứ gì mới chứng minh chưa được khấu trừ.

- Chị N cho rằng: Ngày 27/02/2019 chị N gửi bà E – vợ ông Đ số tiền 50.000.000 đồng, nhưng ông Đ không khấu trừ cho chị.

Xét thấy: Bà E và ông Đ không thừa nhận và chị N cũng không có chứng cứ gì mới chứng minh.

- Chị N cho rằng: Ngày 28/02/2019, chị N nhờ Đoàn Thị A chuyển khoản 50.000.000 đồng nhưng ông Đ chưa căn trừ cho chị.

Xét thấy: Tại trang 9 sổ mua bán của ông Đ (Bút lục 57, 67) có ghi: “28/2 chuyển 219.800.000 - 50.000.000 đồng = 169.800.000”, chứng tỏ đã trừ số tiền 50.000.000 đồng. Tại trang 15 sổ mua bán của chị N (Bút lục 28) có ghi: “còn 219.800 - 80.000 = 169.800”, nhưng thực chất là trừ 50.000.000 đồng, bút tích “thừa nhận lộn, 28/2 lộn 50.000.000” là do chị N tự ghi. Chị N không có chứng cứ gì mới chứng minh ông Đ chưa trừ cho chị.

- Chị N cho rằng: Tháng 4/2019, chị N trả cho bà C (tên thường gọi là Ng) 9.500.000 đồng, nhưng ông Đ không căn trừ cho chị.

Xét thấy: Bà C và ông Đ không thừa nhận có nhận số tiền này. Chị N không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Ngọc N cho rằng ông Đ tính nhầm gây thiệt hại cho chị tổng cộng số tiền là 185.465.000 đồng, yêu cầu được căn trừ; Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Chị N cho rằng chị đã trả cho ông Đ 160 bao gạo trị giá 84.000.000 đồng, không nhớ ngày tháng năm, có xác nhận của anh Trương Văn M (là lơ xe của chị N).

Xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ không thừa nhận có nhận số lượng 160 bao gạo do chị N trả. Anh Trương Văn M xác nhận vào khoảng tháng 10, 11/2018 anh M có chở lô gạo về nhà máy Công T khoảng 150 bao trở lên do anh L2 làm đội trưởng bốc xếp nhận (Bút lục 215). Qua kiểm tra số liệu ghi chép trong sổ của chị N và sổ của ông Đ đều không thể hiện có số liệu về 160 bao gạo trị giá 84.000.000 đồng như chị N yêu cầu. Mặt khác, anh Trương Văn M là người làm công cho chị N - lơ xe của chị N, nên lời khai của anh M không khách quan. Chị N không có chứng cứ gì mới chứng minh ông Đ có nhận 160 bao gạo.

- Chị N cho rằng: Ngày 28/02/2018 trả ông Đ 50.000.000 đồng.

Xét thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, ông Đ xác định do sổ của ông bị mất, nên số liệu trước ngày 08/10/2018 ông không nhớ, nhưng ngày 01/10/2018 hai bên thống nhất chị N còn nợ ông số tiền 254.991.000 đồng. Hơn nữa, tại trang 1 sổ của ông Đ và trang 7 sổ của chị N đều ghi: “1/10 chuyển 2 lần (86 + 34): $374.991.000 - 120.000.000 = 254.991.000$ ”. Chứng tỏ chị N và ông Đ thống nhất số nợ đến ngày 01/10/2018 là 254.991.000 đồng. Cho nên chị N cho rằng đã trả cho ông Đ 50.000.000 đồng là không có cơ sở. Chị N không cung cấp được chứng cứ gì mới chứng minh.

- Chị N cho rằng ngày 18/8/2016 tại trang 3 sổ mua bán của chị có cộng lộn số tiền 5.350.000 đồng.

Xét thấy: Chị N thừa nhận số liệu tại trang 3 sổ mua bán của chị N do chị tự ghi vào sổ của mình. Ông Đ không thừa nhận. Mặt khác, chị N và ông Đ thống nhất số nợ đến ngày 01/10/2018 là 254.991.000 đồng. Chị N không có chứng cứ gì mới để chứng minh.

- Chị N cho rằng: Ngày 13/12/2018 tại trang 12 của sổ chị, ông Đ có tính lộn số tiền 1.920.000 đồng.

Xét thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm (Bút lục 228), ông Đ thừa nhận và đã trừ phần này cho chị N nên chỉ yêu cầu buộc chị N trả 311.165.000 đồng.

- Chị N cho rằng: Ngày 21/02/2019 tại trang 15 của sổ chị (Bút lục 42) có ghi: “ $219.800 - 80.000 = 169.800$ ”, nhưng ông Đ chỉ trừ 30.000.000 đồng, gây thiệt hại cho chị 30.000.000 đồng và ông Đ có cộng thiếu 2.600.000 đồng cho ông Đ, nên khoản này chị bị thiệt hại 27.400.000 đồng.

Xét thấy: Chị N thừa nhận ngày 28/02/2019 chị N nhờ Đoàn Thị A chuyển khoản 50.000.000 đồng, nên tại trang 9 sổ của ông Đ ghi: “ $219.800.000 - 50.000.000 = 169.800.000$ ” là đúng. Chị N thừa nhận dòng chữ tại trang trang 15 của sổ chị N (Bút lục 42) có ghi: “còn 219.800 - 80.000 8/3 chị Ng = 169.800” là do chị N tự ghi. Cho nên, số này chỉ có thể trừ 50.000.000 đồng là phù hợp.

- Chị N cho rằng: Tại trang 16 sổ của chị có thể hiện số nợ 274.500.000 đồng trừ đi 35.200.000 đồng nhưng ra kết quả là 259.995.000 đồng, tức thiệt hại 20.695.000 đồng. Tuy nhiên tại ở phần cuối trang 16 sổ của chị, ông Đ có trừ thiệt hại cho ông Đ 3.900.000 đồng nên phần chênh lệch chị bị thiệt hại là 16.795.000 đồng.

Xét thấy: Chị N thừa nhận chữ viết tại trang 16 sổ của chị là do chị N viết và tại trang này có chỗ sửa chữa viết chồng chữ số. Ông Đ thừa nhận chỉ ghi chữ “Đúng” vào cuối sổ của chị N xác định số nợ được tổng kết ngày 27/3 còn 206.095.000 đồng. Đối chiếu với sổ của ông Đ tại trang 10 (Bút lục 65, 55) thể hiện ngày 27/3 tổng kết số nợ là 206.095.000 đồng sau khi trừ 50.000.000 đồng “Nhu trả Q.Tr”. Chị N không có chứng cứ gì mới chứng minh, nên yêu cầu này của chị N là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Ngọc N. Án sơ thẩm đã xử: Buộc chị N trả cho ông Đ 311.165.000 đồng; Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị N về việc yêu cầu ông Đ trả lại 458.220.000 đồng, là có cơ sở, cần thiết giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Ngọc N không được chấp nhận nên chị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 430, 433, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Ngọc N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc chị Nguyễn Ngọc N trả cho ông Phan Văn Đ 311.165.000 đồng (Ba trăm mười một triệu, một trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành không trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Ngọc N về việc yêu cầu ông Phan Văn Đ trả lại 458.220.000 đồng.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị N phải chịu 38.469.250 đồng, được trừ vào 6.811.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 01402 ngày 04/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, nên phải nộp tiếp 31.658.250 đồng.

Hoàn lại ông Đ 7.892.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 01077 ngày 26/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Nguyễn Ngọc N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 01957 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, xem như đã thực hiện xong án phí dân sự phúc thẩm.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 45 phút ngày 23/7/2020, có mặt ông Đ, chị N, bà C, luật sư Th, luật sư T và Kiểm sát viên.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện T;
 - THADS huyện T;
 - Đăng công thông tin điện tử;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2020-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Trung

